BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành **Mã số:** 7810103
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)
(Áp dụng đối với khóa 18)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về **kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch lữ hành**, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch lữ hành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch lữ hành.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch lữ hành để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO3: Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số và đa văn hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn lữ hành, kết hợp với nghiên cứu ứng dụng, phân tích thị trường và mô hình hóa, để đề xuất các giải pháp phát triển du lịch bền vững.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề tại doanh nghiệp/đơn vị trong ngành du lịch, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên trong lĩnh vực du lịch phù hợp với bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý, marketing và dịch vụ để phân tích hoạt động kinh doanh du lịch và tạo nền tảng cho học tập chuyên sâu.	**3**
		PI 2.1 Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế và quản lý trong việc phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.	3
		PI 2.2 Áp dụng kiến thức về quản trị dịch vụ, du lịch làm nền tảng cho các quyết định quản lý và phát triển du lịch.	3
3	**PLO3**	Áp dụng kiến thức chung về du lịch và quản trị dịch vụ để thực hiện các nhiệm vụ trong doanh nghiệp lữ hành.	**3**
		PI 3.1 Áp dụng kiến thức về tài nguyên – văn hóa – điểm đến để đánh giá khả năng khai thác và xây dựng sản phẩm du lịch.	3
		PI 3.2 Áp dụng kiến thức quản trị – kinh doanh – lữ hành trong tổ chức và vận hành hoạt động du lịch.	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng đào tạo:Hướng dẫn viên du lịch (modul 1)** Phân tích và đánh giá thị trường, hành vi khách, môi trường kinh doanh để thiết kế – cải tiến – phát triển sản	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		phẩm du lịch theo định hướng chuyên ngành hướng dẫn viên du lịch	
		PI 4.1.01 Phân tích xu hướng thị trường và hành vi khách để xác định nhu cầu và cơ hội phát triển sản phẩm du lịch.	4
		PI 4.2.01 Thuyết minh sản phẩm du lịch dựa trên tài nguyên, văn hóa và bối cảnh điểm đến.	3
		PI 4.3.01 Áp dụng phân tích dữ liệu vào cải tiến chất lượng vận hành sản phẩm du lịch.	3
	PLO4.02	**Định hướng đào tạo: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch (modul 2)** Phân tích và đánh giá thị trường, môi trường kinh doanh để thiết kế – cải tiến – phát triển sản phẩm du lịch theo định hướng chuyên ngành thiết kế sản phẩm du lịch	**4**
		PI 4.1.02 Phân tích xu hướng thị trường và hành vi khách để xác định nhu cầu và cơ hội phát triển sản phẩm du lịch.	4
		PI 4.2.02 Thiết kế sản phẩm du lịch dựa trên tài nguyên, văn hóa và bối cảnh điểm đến.	3
		PI 4.3.02 Áp dụng phân tích dữ liệu vào thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch.	3
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp, đánh giá công việc** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM, tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI trong công việc.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** các phần mềm và các thiết bị, công cụ hỗ trợ trong công việc chuyên môn về du lịch và lữ hành.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	**Vận dụng các nguyên tắc, kỹ thuật quản lý và lãnh đạo để tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động chuyên môn nhằm đạt mục tiêu kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn.**	**3**
		PL8.1. Tổ chức và giám sát hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ cốt lõi (hướng dẫn du lịch, điều hành tour, bán tour..) theo quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP).	3
		PL8.2. **Vận dụng** các quy trình quản lý tiêu chuẩn để giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành.	3
9	**PLO9**	**Xử lý tình huống liên quan để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh, phục vụ khách du lịch**	**3**
		PI 9.1 Tư vấn và thiết kế các chương trình tour phù hợp với khách hàng, với nhu cầu thực tế	3
		PI 9.2 Xử lý tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ khách du lịch	3
10	**PLO10.01**	**Định hướng đào tạo: Hướng dẫn viên du lịch (module 1)** **Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ của hướng dẫn du lịch liên quan đến quá trình phục vụ khách du lịch trong chương trình tham quan, du lịch.**	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 10.1.01 Xây dựng các phương án tổ chức, thuyết minh và phục vụ khách du lịch trong quá trình thực hiện chương trình du lịch.	3
		PI 10.2.01 Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp, thuyết minh, điều phối đoàn và xử lý tình huống phát sinh trong hoạt động hướng dẫn du lịch.	4
	PLO10.02	**Định hướng đào tạo: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch (module 2)** **Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ thiết kế và điều hành liên quan đến quá trình xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch tại các công ty du lịch và lữ hành**	**4**
		PI 10.1.02 Tư vấn, thiết kế và xây dựng các chương trình, tuyến điểm và sản phẩm du lịch phù hợp với từng nhóm khách hàng mục tiêu.	3
		PI 10.2.02 Vận dụng được các kỹ năng phân tích thị trường, xây dựng ý tưởng sản phẩm, tính giá chương trình và xử lý tình huống phát sinh trong quá trình phát triển sản phẩm du lịch.	4
Mức tự chủ và trách nhiệm			
11	**PLO11**	**Thể hiện sự chủ động trong công việc, sẵn sàng thích ứng và hợp tác hiệu quả để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh du lịch và lữ hành**	**3**
		PI11.1. Thể hiện được khả năng tự nghiên cứu, học tập, thích ứng với sự thay đổi trong công việc.	3
		PI11.2. Trình bày được các ý kiến phản biện, các quan điểm cá nhân và bảo vệ được các quan điểm trong công tác chuyên môn	3
12	**PLO12**	**Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với xã hội và ngành du lịch**.	**3**
		PI12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật của nhà nước.	3
		PI12.2. Thể hiện trách nhiệm và tích cực tham gia vào hoạt động đóng góp cho xã hội và ngành du lịch	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cơ sở kinh doanh du lịch: Hãng lữ hành, hãng vận chuyển, công ty tổ chức sự kiện và hội nghị, khách sạn, nhà hàng, khu du lịch. Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, chuyên gia thiết kế và phát triển sản phẩm lữ hành, tiếp thị và bán sản phẩm, điều hành thực hiện chương trình du lịch.

- Nhân viên, chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp tại các bộ phận nghiệp vụ, các bộ phận hỗ trợ và phát triển và các bộ phận tổng hợp tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.

- Chuyên viên phụ trách quan hệ đối ngoại, marketing, chăm sóc khách hàng, tổ chức sự kiện hội nghị và dịch vụ bổ sung tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.

- Trợ lý giám đốc công ty, giám đốc các dự án, các khu vực thị trường hoặc giám đốc các bộ phận chức năng như marketing, kỹ thuật, sản xuất, nhân sự, đối ngoại.

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch: Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Chuyên viên các phòng và trung tâm trực thuộc các Sở, ban ngành phụ trách về du lịch như: Phòng lữ hành, Quy hoạch tài nguyên du lịch, Nghiệp vụ du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch, Tổ chức cán bộ, Tổng hợp, Thanh tra du lịch.

- Nghiên cứu viên nghiên cứu thị trường, quảng bá và xúc tiến du lịch; nghiên cứu phát triển và quản lý du lịch trong các viện nghiên cứu và quản lý du lịch.

- Chuyên gia, cán bộ quản lý, điều phối tại các dự án du lịch cộng đồng, dự án phi chính phủ về du lịch.

- Giảng viên giảng dạy về du lịch tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có đào tạo về du lịch.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác trong khối ngành Kinh tế.

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về **kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch lữ hành**, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch lữ hành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch lữ hành.	x											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch lữ hành để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.		x	x	x								
PO3	Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số và đa văn hóa.					x	x	x					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn lữ hành, kết hợp với nghiên cứu ứng dụng, phân tích thị trường và mô hình hóa, để đề xuất các giải pháp								x	x	x		

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
	phát triển du lịch bền vững.												
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *60 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *29 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**4**		
002967	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
	Chọn 2 trong các học phần				
002974	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	*2*	(26, 8, 60)	x
002468	2. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
001053	3. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**5**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002167	2. Kỹ năng nghề nghiệp - DL lữ hành	DLKS	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	*KHƯD*	1	(15, 0, 30)	
001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam-DLKS	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở về kinh tế và quản lý du lịch		**24**		
	Kiến thức bắt buộc		**16**		
000564	1.Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000493	3. Quản trị học	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
	Kiến thức tự chọn		***8***		
001109	1. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	x
000666	2.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
000681	3. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39,12,90)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002102	5. Lịch sử văn minh thế giới	DLKS	2	(26, 8, 60)	
002003	6. Thương mại điện tử-DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39,12,90)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**47**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**32**		
001974	1. Địa lý du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001988	2. Quản trị kinh doanh lữ hành	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003237	4. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26,8,60)	x
002688	5. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	x
001958	6. Kiến tập tour	DL&KS	3	(0,180,0)	x
002477	7. Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002687	8. Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002689	9. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003211	10. Thực tập lữ hành 1	DL&KS	3	*(0,180,0)*	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003212	11. Thực tập lữ hành 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
003213	12. Thực tập lữ hành 3	DL&KS	3	(0,180,0)	x
003214	13. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến	DL&KS	2	(0,60,60)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn				
	Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		**6**		
002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39,12,90)	
001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39,12,90)	
	Các học phần bổ trợ tự chọn		**9**		
001989	1. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001987	2. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001986	3. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001985	4. Quản lý điểm đến du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003242	5. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39,12,90)	
001993	6. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
003215	7. Tuyến điểm du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	
003216	8.Lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002686	9. Kỹ năng bán hàng trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001978	10. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
001995	11. Thực tập nghiệp vụ lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	
002685	12. Thực tập quản lý lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành:		***27***		
	2.3.1. Module 1: Hướng dẫn viên du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		8		
003218	1.Thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003219	2. Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật và danh thắng	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003220	3. Thực tập lữ hành nâng cao -module 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn		5		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	(chọn 5 TC trong các học phần)				
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	
001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	5	(0,300,0)	x
001979	**4.Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	(0,540,0)	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành hướng dẫn du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					
003225	*1. Du lịch MICE*	*DL&KS*	*9*		*x*
003226	*2. Du lịch văn hóa*	*DL&KS*	*9*		*x*
003227	*3. Du lịch sinh thái*	*DL&KS*	*9*		*x*
	2.3.2. Module 2: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		8		
003228	1.Du lịch bền vững	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003229	2.Xây dựng sản phẩm du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003230	3.Thực tập lữ hành nâng cao-module 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn *(chọn 5 TC trong các học phần)*		5		
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	
003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	5	(0,300,0)	x
001979	**4. Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	**(0,540,0)**	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành thiết kế sản phẩm du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					
003225	*1. Du lịch MICE*	*DL&KS*	*9*		x
003226	*2. Du lịch văn hóa*	*DL&KS*	*9*		x
003227	*3. Du lịch sinh thái*	*DL&KS*	*9*		x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

  - Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
  - Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
  - Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

  - Học kỳ I bao gồm các nội dung:
    - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
    - Học tập: 15 tuần
    - thi học kỳ, dự trữ:
  - Học kỳ II bao gồm các nội dung:

- Nghỉ tết: 2 tuần.
- Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)

o Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè.
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành **Mã số:** 7810103
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng đối với khóa 19)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về **kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch lữ hành**, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch lữ hành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch lữ hành.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch lữ hành để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO3: Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số và đa văn hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn lữ hành, kết hợp với nghiên cứu ứng dụng, phân tích thị trường và mô hình hóa, để đề xuất các giải pháp phát triển du lịch bền vững.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề tại doanh nghiệp/đơn vị trong ngành du lịch, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên trong lĩnh vực du lịch phù hợp với bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý, marketing và dịch vụ để phân tích hoạt động kinh doanh du lịch và tạo nền tảng cho học tập chuyên sâu.	**3**
		PI 2.1 Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế và quản lý trong việc phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.	3
		PI 2.2 Áp dụng kiến thức về quản trị dịch vụ, du lịch làm nền tảng cho các quyết định quản lý và phát triển du lịch.	3
3	**PLO3**	Áp dụng kiến thức chung về du lịch và quản trị dịch vụ để thực hiện các nhiệm vụ trong doanh nghiệp lữ hành.	**3**
		PI 3.1 Áp dụng kiến thức về tài nguyên – văn hóa – điểm đến để đánh giá khả năng khai thác và xây dựng sản phẩm du lịch.	3
		PI 3.2 Áp dụng kiến thức quản trị – kinh doanh – lữ hành trong tổ chức và vận hành hoạt động du lịch.	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng đào tạo:Hướng dẫn viên du lịch (modul 1)** Phân tích và đánh giá thị trường, hành vi khách, môi trường kinh doanh để thiết kế – cải tiến – phát triển sản	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		phẩm du lịch theo định hướng chuyên ngành hướng dẫn viên du lịch	
		PI 4.1.01 Phân tích xu hướng thị trường và hành vi khách để xác định nhu cầu và cơ hội phát triển sản phẩm du lịch.	4
		PI 4.2.01 Thuyết minh sản phẩm du lịch dựa trên tài nguyên, văn hóa và bối cảnh điểm đến.	3
		PI 4.3.01 Áp dụng phân tích dữ liệu vào cải tiến chất lượng vận hành sản phẩm du lịch.	3
	PLO4.02	**Định hướng đào tạo: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch (modul 2)** Phân tích và đánh giá thị trường, môi trường kinh doanh để thiết kế – cải tiến – phát triển sản phẩm du lịch theo định hướng chuyên ngành thiết kế sản phẩm du lịch	**4**
		PI 4.1.02 Phân tích xu hướng thị trường và hành vi khách để xác định nhu cầu và cơ hội phát triển sản phẩm du lịch.	4
		PI 4.2.02 Thiết kế sản phẩm du lịch dựa trên tài nguyên, văn hóa và bối cảnh điểm đến.	3
		PI 4.3.02 Áp dụng phân tích dữ liệu vào thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch.	3
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp, đánh giá công việc** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM, tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI trong công việc.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** các phần mềm và các thiết bị, công cụ hỗ trợ trong công việc chuyên môn về du lịch và lữ hành.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	**Vận dụng các nguyên tắc, kỹ thuật quản lý và lãnh đạo để tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động chuyên môn nhằm đạt mục tiêu kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn.**	**3**
		PL8.1. Tổ chức và giám sát hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ cốt lõi (hướng dẫn du lịch, điều hành tour, bán tour..) theo quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP).	3
		PL8.2. **Vận dụng** các quy trình quản lý tiêu chuẩn để giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành.	3
9	**PLO9**	**Xử lý tình huống liên quan để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh, phục vụ khách du lịch**	**3**
		PI 9.1 Tư vấn và thiết kế các chương trình tour phù hợp với khách hàng, với nhu cầu thực tế	3
		PI 9.2 Xử lý tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ khách du lịch	3
10	**PLO10.01**	**Định hướng đào tạo: Hướng dẫn viên du lịch (module 1)** **Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ của hướng dẫn du lịch liên quan đến quá trình phục vụ khách du lịch trong chương trình tham quan, du lịch.**	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 10.1.01 Xây dựng các phương án tổ chức, thuyết minh và phục vụ khách du lịch trong quá trình thực hiện chương trình du lịch.	3
		PI 10.2.01 Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp, thuyết minh, điều phối đoàn và xử lý tình huống phát sinh trong hoạt động hướng dẫn du lịch.	4
	PLO10.02	**Định hướng đào tạo: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch (module 2)** **Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ thiết kế và điều hành liên quan đến quá trình xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch tại các công ty du lịch và lữ hành**	**4**
		PI 10.1.02 Tư vấn, thiết kế và xây dựng các chương trình, tuyến điểm và sản phẩm du lịch phù hợp với từng nhóm khách hàng mục tiêu.	3
		PI 10.2.02 Vận dụng được các kỹ năng phân tích thị trường, xây dựng ý tưởng sản phẩm, tính giá chương trình và xử lý tình huống phát sinh trong quá trình phát triển sản phẩm du lịch.	4
Mức tự chủ và trách nhiệm			
11	**PLO11**	**Thể hiện sự chủ động trong công việc, sẵn sàng thích ứng và hợp tác hiệu quả để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh du lịch và lữ hành**	**3**
		PI11.1. Thể hiện được khả năng tự nghiên cứu, học tập, thích ứng với sự thay đổi trong công việc.	3
		PI11.2. Trình bày được các ý kiến phản biện, các quan điểm cá nhân và bảo vệ được các quan điểm trong công tác chuyên môn	3
12	**PLO12**	**Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với xã hội và ngành du lịch**.	**3**
		PI12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật của nhà nước.	3
		PI12.2. Thể hiện trách nhiệm và tích cực tham gia vào hoạt động đóng góp cho xã hội và ngành du lịch	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cơ sở kinh doanh du lịch: Hãng lữ hành, hãng vận chuyển, công ty tổ chức sự kiện và hội nghị, khách sạn, nhà hàng, khu du lịch. Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, chuyên gia thiết kế và phát triển sản phẩm lữ hành, tiếp thị và bán sản phẩm, điều hành thực hiện chương trình du lịch.

- Nhân viên, chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp tại các bộ phận nghiệp vụ, các bộ phận hỗ trợ và phát triển và các bộ phận tổng hợp tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.

- Chuyên viên phụ trách quan hệ đối ngoại, marketing, chăm sóc khách hàng, tổ chức sự kiện hội nghị và dịch vụ bổ sung tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.

- Trợ lý giám đốc công ty, giám đốc các dự án, các khu vực thị trường hoặc giám đốc các bộ phận chức năng như marketing, kỹ thuật, sản xuất, nhân sự, đối ngoại.

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch: Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Chuyên viên các phòng và trung tâm trực thuộc các Sở, ban ngành phụ trách về du lịch như: Phòng lữ hành, Quy hoạch tài nguyên du lịch, Nghiệp vụ du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch, Tổ chức cán bộ, Tổng hợp, Thanh tra du lịch.

- Nghiên cứu viên nghiên cứu thị trường, quảng bá và xúc tiến du lịch; nghiên cứu phát triển và quản lý du lịch trong các viện nghiên cứu và quản lý du lịch.

- Chuyên gia, cán bộ quản lý, điều phối tại các dự án du lịch cộng đồng, dự án phi chính phủ về du lịch.

- Giảng viên giảng dạy về du lịch tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có đào tạo về du lịch.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác trong khối ngành Kinh tế.

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về **kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch lữ hành**, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch lữ hành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch lữ hành.	x											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch lữ hành để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.		x	x	x								
PO3	Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số và đa văn hóa.					x	x	x					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn lữ hành, kết hợp với nghiên cứu ứng dụng, phân tích thị trường và mô hình hóa, để đề xuất các giải pháp								x	x	x		

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
	phát triển du lịch bền vững.												
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *60 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *29 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**4**		
002967	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
	Chọn 2 trong các học phần				
002974	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	*2*	(26, 8, 60)	x
002468	2. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
001053	3. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**5**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002167	2. Kỹ năng nghề nghiệp - DL lữ hành	DLKS	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	*KHƯD*	1	(15, 0, 30)	
001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam-DLKS	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở về kinh tế và quản lý du lịch		**24**		
	Kiến thức bắt buộc		**16**		
000564	1.Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000493	3. Quản trị học	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
	Kiến thức tự chọn		***8***		
001109	1. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	x
000666	2.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
000681	3. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39,12,90)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002102	5. Lịch sử văn minh thế giới	DLKS	2	(26, 8, 60)	
002003	6. Thương mại điện tử-DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39,12,90)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**47**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**32**		
001974	1. Địa lý du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001988	2. Quản trị kinh doanh lữ hành	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003237	4. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26,8,60)	x
002688	5. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	x
001958	6. Kiến tập tour	DL&KS	3	(0,180,0)	x
002477	7. Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002687	8. Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002689	9. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003211	10. Thực tập lữ hành 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003212	11. Thực tập lữ hành 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
003213	12. Thực tập lữ hành 3	DL&KS	3	(0,180,0)	x
003214	13. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến	DL&KS	2	(0,60,60)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn				
	Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		**6**		
002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39,12,90)	
001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39,12,90)	
	Các học phần bổ trợ tự chọn		**9**		
001989	1. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001987	2. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001986	3. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001985	4. Quản lý điểm đến du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003242	5. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39,12,90)	
001993	6. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
003215	7. Tuyến điểm du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	
003216	8.Lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002686	9. Kỹ năng bán hàng trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001978	10. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
001995	11. Thực tập nghiệp vụ lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	
002685	12. Thực tập quản lý lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành:		***27***		
	2.3.1. Module 1: Hướng dẫn viên du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		8		
003218	1.Thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003219	2. Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật và danh thắng	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003220	3. Thực tập lữ hành nâng cao -module 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn *(chọn 5 TC trong các học phần)*		5		
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003223	4. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	
001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	5	(0,300,0)	x
001979	**4.Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	(0,540,0)	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành hướng dẫn du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					
003225	*1. Du lịch MICE*	*DL&KS*	*9*		*x*
003226	*2. Du lịch văn hóa*	*DL&KS*	*9*		*x*
003227	*3. Du lịch sinh thái*	*DL&KS*	*9*		*x*
	2.3.2. Module 2: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		8		
003228	1.Du lịch bền vững	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003229	2.Xây dựng sản phẩm du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003230	3.Thực tập lữ hành nâng cao-module 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn *(chọn 5 TC trong các học phần)*		5		
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	
003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	5	(0,300,0)	x
001979	**4. Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	(0,540,0)	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành thiết kế sản phẩm du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					
003225	*1. Du lịch MICE*	*DL&KS*	*9*		x
003226	*2. Du lịch văn hóa*	*DL&KS*	*9*		x
003227	*3. Du lịch sinh thái*	*DL&KS*	*9*		x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần

- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)

o Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè.
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành **Mã số:** 7810103
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng từ khóa 20)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về **kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch lữ hành**, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch lữ hành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch lữ hành.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch lữ hành để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO3: Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số và đa văn hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn lữ hành, kết hợp với nghiên cứu ứng dụng, phân tích thị trường và mô hình hóa, để đề xuất các giải pháp phát triển du lịch bền vững.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề tại doanh nghiệp/đơn vị trong ngành du lịch, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên trong lĩnh vực du lịch phù hợp với bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý, marketing và dịch vụ để phân tích hoạt động kinh doanh du lịch và tạo nền tảng cho học tập chuyên sâu.	**3**
		PI 2.1 Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế và quản lý trong việc phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.	3
		PI 2.2 Áp dụng kiến thức về quản trị dịch vụ, du lịch làm nền tảng cho các quyết định quản lý và phát triển du lịch.	3
3	**PLO3**	Áp dụng kiến thức chung về du lịch và quản trị dịch vụ để thực hiện các nhiệm vụ trong doanh nghiệp lữ hành.	**3**
		PI 3.1 Áp dụng kiến thức về tài nguyên – văn hóa – điểm đến để đánh giá khả năng khai thác và xây dựng sản phẩm du lịch.	3
		PI 3.2 Áp dụng kiến thức quản trị – kinh doanh – lữ hành trong tổ chức và vận hành hoạt động du lịch.	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng đào tạo:Hướng dẫn viên du lịch (modul 1)** Phân tích và đánh giá thị trường, hành vi khách, môi trường kinh doanh để thiết kế – cải tiến – phát triển sản	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		phẩm du lịch theo định hướng chuyên ngành hướng dẫn viên du lịch	
		PI 4.1.01 Phân tích xu hướng thị trường và hành vi khách để xác định nhu cầu và cơ hội phát triển sản phẩm du lịch.	4
		PI 4.2.01 Thuyết minh sản phẩm du lịch dựa trên tài nguyên, văn hóa và bối cảnh điểm đến.	3
		PI 4.3.01 Áp dụng phân tích dữ liệu vào cải tiến chất lượng vận hành sản phẩm du lịch.	3
	PLO4.02	**Định hướng đào tạo: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch (modul 2)** Phân tích và đánh giá thị trường, môi trường kinh doanh để thiết kế – cải tiến – phát triển sản phẩm du lịch theo định hướng chuyên ngành thiết kế sản phẩm du lịch	**4**
		PI 4.1.02 Phân tích xu hướng thị trường và hành vi khách để xác định nhu cầu và cơ hội phát triển sản phẩm du lịch.	4
		PI 4.2.02 Thiết kế sản phẩm du lịch dựa trên tài nguyên, văn hóa và bối cảnh điểm đến.	3
		PI 4.3.02 Áp dụng phân tích dữ liệu vào thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch.	3
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp, đánh giá công việc** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM, tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI trong công việc.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** các phần mềm và các thiết bị, công cụ hỗ trợ trong công việc chuyên môn về du lịch và lữ hành.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	**Vận dụng các nguyên tắc, kỹ thuật quản lý và lãnh đạo để tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động chuyên môn nhằm đạt mục tiêu kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn.**	**3**
		PL8.1. Tổ chức và giám sát hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ cốt lõi (hướng dẫn du lịch, điều hành tour, bán tour..) theo quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP).	3
		PL8.2. **Vận dụng** các quy trình quản lý tiêu chuẩn để giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành.	3
9	**PLO9**	**Xử lý tình huống liên quan để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh, phục vụ khách du lịch**	**3**
		PI 9.1 Tư vấn và thiết kế các chương trình tour phù hợp với khách hàng, với nhu cầu thực tế	3
		PI 9.2 Xử lý tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ khách du lịch	3
10	**PLO10.01**	**Định hướng đào tạo: Hướng dẫn viên du lịch (module 1)** **Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ của hướng dẫn du lịch liên quan đến quá trình phục vụ khách du lịch trong chương trình tham quan, du lịch.**	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 10.1.01 Xây dựng các phương án tổ chức, thuyết minh và phục vụ khách du lịch trong quá trình thực hiện chương trình du lịch.	3
		PI 10.2.01 Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp, thuyết minh, điều phối đoàn và xử lý tình huống phát sinh trong hoạt động hướng dẫn du lịch.	4
	PLO10.02	**Định hướng đào tạo: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch (module 2)** **Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ thiết kế và điều hành liên quan đến quá trình xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch tại các công ty du lịch và lữ hành**	**4**
		PI 10.1.02 Tư vấn, thiết kế và xây dựng các chương trình, tuyến điểm và sản phẩm du lịch phù hợp với từng nhóm khách hàng mục tiêu.	3
		PI 10.2.02 Vận dụng được các kỹ năng phân tích thị trường, xây dựng ý tưởng sản phẩm, tính giá chương trình và xử lý tình huống phát sinh trong quá trình phát triển sản phẩm du lịch.	4
Mức tự chủ và trách nhiệm			
11	**PLO11**	**Thể hiện sự chủ động trong công việc, sẵn sàng thích ứng và hợp tác hiệu quả để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh du lịch và lữ hành**	**3**
		PI11.1. Thể hiện được khả năng tự nghiên cứu, học tập, thích ứng với sự thay đổi trong công việc.	3
		PI11.2. Trình bày được các ý kiến phản biện, các quan điểm cá nhân và bảo vệ được các quan điểm trong công tác chuyên môn	3
12	**PLO12**	**Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với xã hội và ngành du lịch**.	**3**
		PI12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật của nhà nước.	3
		PI12.2. Thể hiện trách nhiệm và tích cực tham gia vào hoạt động đóng góp cho xã hội và ngành du lịch	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cơ sở kinh doanh du lịch: Hãng lữ hành, hãng vận chuyển, công ty tổ chức sự kiện và hội nghị, khách sạn, nhà hàng, khu du lịch. Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, chuyên gia thiết kế và phát triển sản phẩm lữ hành, tiếp thị và bán sản phẩm, điều hành thực hiện chương trình du lịch.

- Nhân viên, chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp tại các bộ phận nghiệp vụ, các bộ phận hỗ trợ và phát triển và các bộ phận tổng hợp tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.

- Chuyên viên phụ trách quan hệ đối ngoại, marketing, chăm sóc khách hàng, tổ chức sự kiện hội nghị và dịch vụ bổ sung tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.

- Trợ lý giám đốc công ty, giám đốc các dự án, các khu vực thị trường hoặc giám đốc các bộ phận chức năng như marketing, kỹ thuật, sản xuất, nhân sự, đối ngoại.

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch: Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Chuyên viên các phòng và trung tâm trực thuộc các Sở, ban ngành phụ trách về du lịch như: Phòng lữ hành, Quy hoạch tài nguyên du lịch, Nghiệp vụ du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch, Tổ chức cán bộ, Tổng hợp, Thanh tra du lịch.

- Nghiên cứu viên nghiên cứu thị trường, quảng bá và xúc tiến du lịch; nghiên cứu phát triển và quản lý du lịch trong các viện nghiên cứu và quản lý du lịch.

- Chuyên gia, cán bộ quản lý, điều phối tại các dự án du lịch cộng đồng, dự án phi chính phủ về du lịch.

- Giảng viên giảng dạy về du lịch tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có đào tạo về du lịch.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác trong khối ngành Kinh tế.

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về **kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch lữ hành**, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch lữ hành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch lữ hành.	x											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch lữ hành để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.		x	x	x								
PO3	Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số và đa văn hóa.					x	x	x					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn lữ hành, kết hợp với nghiên cứu ứng dụng, phân tích thị trường và mô hình hóa, để đề xuất các giải pháp								x	x	x		

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
	phát triển du lịch bền vững.												
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *60 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *29 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**3**		
002967	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	*x*
	Chọn 1 trong các học phần				
002974	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	2	(26, 8, 60)	*x*
002468	2. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
001053	3. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**6**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002167	2. Kỹ năng nghề nghiệp - DL lữ hành	DLKS	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002969	4.Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam-DLKS	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở về kinh tế và quản lý du lịch		**24**		
	Kiến thức bắt buộc		**16**		
000564	1.Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000493	3. Quản trị học	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
	Kiến thức tự chọn		***8***		
001109	1. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
000666	2.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
000681	3. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39,12,90)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002102	5. Lịch sử văn minh thế giới	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
002003	6. Thương mại điện tử-DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39,12,90)	x
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**47**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**31**		
001974	1. Địa lý du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001988	2. Quản trị kinh doanh lữ hành	DL&KS	***3***	(39,12,90)	x
002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003237	4. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26,8,60)	x
002688	5. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	x
003210	6. Kiến tập tour	DL&KS	2	(0,120,0)	x
002477	7. Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002687	8. Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002689	9. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003211	10. Thực tập lữ hành 1	DL&KS	*3*	*(0,180,0)*	x
003212	11. Thực tập lữ hành 2	DL&KS	*3*	*(0,180,0)*	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003213	12. Thực tập lữ hành 3	DL&KS	*3*	*(0,180,0)*	x
003214	13. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến	DL&KS	2	(0,60,60)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn				
	Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		**6**		
002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39,12,90)	
001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39,12,90)	
	Các học phần bổ trợ tự chọn		**10**		
001989	1. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001987	2. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001986	3. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001985	4. Quản lý điểm đến du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003242	5. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39,12,90)	
001993	6. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003215	7. Tuyến điểm du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	
003216	8.Lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
003217	9. Kỹ năng bán hàng trong du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	x
001978	10. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
001995	11. Thực tập nghiệp vụ lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	
002685	12. Thực tập quản lý lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành:		***27***		
	2.3.1. Module 1: Hướng dẫn viên du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		**8**		
003218	1.Thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003219	2. Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật và danh thắng	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003220	3. Thực tập lữ hành nâng cao -module 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn *(chọn 5 TC trong các học phần)*		**5**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
003223	5. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	
001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	**5**	(0,300,0)	x
001979	**4.Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	**(0,540,0)**	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành hướng dẫn du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					
003225	1. Du lịch MICE	DL&KS	9		x
003226	2. Du lịch văn hóa	DL&KS	9		x
003227	3. Du lịch sinh thái	DL&KS	9		x
	2.3.2. Module 2: Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch				
	1. Các học phần bắt buộc		**8**		
003228	1.Du lịch bền vững	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
003229	2.Xây dựng sản phẩm du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003230	3.Thực tập lữ hành nâng cao-module 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
	2. Các học phần tự chọn *(chọn 5 TC trong các học phần)*		5		
003221	1.Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
003222	2. Thực hành thuyết minh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	
003223	3. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
003224	4.Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
001996	**3. Thực tập cuối khóa - DLLH**	DL&KS	5	(0,300,0)	x
001979	**4. Khóa luận tốt nghiệp - DLLH**	DL&KS	**9**	**(0,540,0)**	x
	Các học phần thay thế KLTN				
Dự án chuyên ngành thiết kế sản phẩm du lịch (Chọn 1 trong 3 dự án)					
003225	1. Du lịch MICE	DL&KS	9		x
003226	2. Du lịch văn hóa	DL&KS	9		x
003227	3. Du lịch sinh thái	DL&KS	9		x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

  - Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
  - Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
  - Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

  - Học kỳ I bao gồm các nội dung:
    - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
    - Học tập: 15 tuần
    - thi học kỳ, dự trữ:
  - Học kỳ II bao gồm các nội dung:
    - Nghỉ tết: 2 tuần.

- Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)

o Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè.
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long